



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

**TRỤ SỞ CHÍNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
LOGISTICS VINALINK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014



## MỤC LỤC

---

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 30

1789-  
CÔNG TY  
KIỂM TOÁN  
ĐỘC LẬP  
CÔNG CHỨC

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Trụ sở chính của Công ty (dưới đây gọi tắt là "Trụ sở chính") cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### 1. CÁC THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Thị Bình	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Đinh Quang Ngọc	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014
Ông Trương Minh Long	Thành viên - Bổ nhiệm ngày 26 tháng 04 năm 2014

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Trưởng ban
Bà Trang Anh Xuân	Thành viên
Bà Phan Phương Tuyền	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

## 3. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Trụ sở chính có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Trụ sở chính sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Trụ sở chính và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Trụ sở chính đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

## 4. KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán DTL, thành viên của RSM Quốc tế, bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính tiếp theo của Trụ sở chính.

## 5. CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**TỔNG GIÁM ĐỐC**





Số: 15.142/BCKT-DTL

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Trụ sở chính Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Trụ sở chính"), được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015 từ trang 05 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Trụ sở chính theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Trụ sở chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Trụ sở chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



**RSM DTL Auditing**  
Connected for Success

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Trụ sở chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DTL**  
**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TẶNG QUỐC THẮNG**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0075-2013-026-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HỒ NGỌC BẢO**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 2136-2013-026-1

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>210.419.447.118</b>	<b>92.510.004.624</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	(5.1)	<b>127.522.830.052</b>	<b>35.428.100.368</b>
1. Tiền	111		23.114.830.052	29.107.100.368
2. Các khoản tương đương tiền	112		104.408.000.000	6.321.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>900.000.000</b>	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		900.000.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129			
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	(5.2)	<b>78.903.013.880</b>	<b>53.356.485.035</b>
1. Phải thu khách hàng	131		46.800.745.506	27.509.079.588
2. Trả trước cho người bán	132		25.876.370.544	18.834.852.579
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		7.881.083.436	8.667.738.474
6. Dự phòng khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.655.185.606)	(1.655.185.606)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.093.603.186</b>	<b>3.725.419.221</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			126.500.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154			
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	3.093.603.186	3.598.919.221

(Phần tiếp theo ở trang 6)



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>54.159.676.143</b>	<b>69.802.172.432</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.112.472.143</b>	<b>10.156.368.729</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	(5.4)	10.112.472.143	10.156.368.729
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>6.095.158.078</b>	<b>8.391.138.654</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.5)	6.095.158.078	8.391.138.654
+ Nguyên giá	222		23.372.000.158	23.807.595.067
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.276.842.080)	(15.416.456.413)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	(5.6)	<b>37.733.010.802</b>	<b>50.933.010.802</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		526.750.000	526.750.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		36.480.110.802	49.680.110.802
3. Đầu tư dài hạn khác	258		726.150.000	726.150.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259			
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>219.035.120</b>	<b>321.654.247</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		87.619.120	175.238.247
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		131.416.000	146.416.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>264.579.123.261</b>	<b>162.312.177.056</b>

(Phần tiếp theo ở trang 7)



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>111.358.832.920</b>	<b>30.196.304.292</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>111.145.689.920</b>	<b>29.959.537.932</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.7)	9.929.769.453	5.977.492.757
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.7)	50.119.302.485	11.022.978.666
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.8)	9.340.574.471	2.163.906.929
5. Phải trả người lao động	315	(5.9)	5.150.405.680	5.934.767.325
6. Chi phí phải trả	316		1.343.334.200	2.092.771.233
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.10)	33.623.962.204	740.675.319
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.11)	1.638.341.427	2.026.945.703
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>213.143.000</b>	<b>236.766.360</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		213.143.000	236.766.360
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>153.220.290.341</b>	<b>132.115.872.764</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	(5.12.1)	<b>153.220.290.341</b>	<b>132.115.872.764</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.000.000.000	5.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	(5.12.3)	52.270.290.341	32.165.872.764
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>264.579.123.261</b>	<b>162.312.177.056</b>

1/2014  
 KẾ TÍNH  
 1/17

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 01 - DN

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công, hàng viện trợ 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại + USD 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		704.666,98	1.261.534,12

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN ANH NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		298.067.143.052	284.169.462.443
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	298.067.143.052	284.169.462.443
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	275.163.126.250	263.119.448.017
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.904.016.802	21.050.014.426
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	43.256.953.435	19.132.871.459
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	4.511.334.531	6.496.470.531
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	11.392.250.304	10.806.038.148
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		50.257.385.402	22.880.377.206
11. Thu nhập khác	31		33.181.818	454.545.455
12. Chi phí khác	32		12.639.729	169.694.437
13. Lợi nhuận khác	40		20.542.089	284.851.018
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.277.927.491	23.165.228.224
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	11.709.044.929	4.405.299.289
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		38.568.882.562	18.759.928.935

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC






NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.277.927.491	23.165.228.224
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.229.254.111	2.259.717.298
Các khoản dự phòng	03			
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(640.816.307)	(1.588.483.855)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(38.546.487.361)	(12.449.631.846)
Chi phí lãi vay	06			
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>13.319.877.934</b>	<b>11.386.829.821</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(25.449.403.990)	2.981.106.944
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		79.006.485.924	(8.359.802.325)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		214.119.127	585.418.250
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.507.051.149)	(3.209.547.025)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		94.367.000	133.776.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.558.594.636)	(4.083.904.852)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>58.119.800.210</b>	<b>(566.123.187)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(91.360.000)	(819.231.817)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			450.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(900.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24			620.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			(8.538.639.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.560.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.152.609.361	10.849.326.283
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>51.721.249.361</b>	<b>2.561.455.466</b>

*(Phần tiếp theo ở trang 11)*

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 03 - DN

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(18.000.000.000)	(13.146.122.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(18.000.000.000)</b>	<b>(13.146.122.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>91.841.049.571</b>	<b>(11.150.789.721)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>35.428.100.368</b>	<b>45.229.048.581</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		253.680.113	1.349.841.508
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>127.522.830.052</b>	<b>35.428.100.368</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU



NGUYỄN ANH NAM

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN THỊ BÌNH

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN NAM TIẾN

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### 1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Logistics Vinalink (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Xí Nghiệp Đại Lý Vận Tải Và Gom Hàng. Ngày 24 tháng 06 năm 1999, Xí Nghiệp được chuyển đổi thành công ty cổ phần có tên gọi là Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại theo Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 064162 ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Ngày 22 tháng 05 năm 2014, Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Logistics Vinalink theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301776205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 24 tháng 11 năm 2014.

Công ty chính thức được niêm yết giao dịch chứng khoán trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 90/QĐ-SGDHCM ngày 10 tháng 08 năm 2009 do Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty (dưới đây gọi tắt là "Trụ sở chính") được đặt tại số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Trụ sở chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 233 (31/12/2013: 235 nhân viên).

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Trụ sở chính bao gồm:

- Kinh doanh kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh các dịch vụ giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Đại lý vận tải hàng hóa hàng không, gửi hàng.

### 2. NĂM TÀI CHÍNH , ĐƠN VỊ TIỀN TỆ TRONG KẾ TOÁN

#### 2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Trụ sở chính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

## 2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

## 2.3. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

## 3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Trụ sở chính áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

### 3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Trụ sở chính áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

### 3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trụ sở chính tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## 4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 4.1. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### 4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

- Trụ sở chính hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.
- Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

### 4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn không quá 3 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro trong việc chuyển thành tiền.

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

## 4.4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

## 4.5. Tài sản cố định hữu hình

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	05 - 08 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 11 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

## 4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính.

*Đối với các khoản đầu tư chứng khoán*

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Trụ sở chính được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán đầu tư tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

789  
TY  
HỮU  
DÁI  
L  
CH



*Đối với các khoản đầu tư tài chính dài hạn*

Dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính. Theo đó, Trụ sở chính phải trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Trụ sở chính đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch theo phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư bằng số vốn đã đầu tư.

#### **4.7. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.

#### **4.8. Lương**

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

#### **4.9. Nguồn vốn chủ sở hữu**

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận và trình bày cổ phiếu ngân quỹ

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

- Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

#### **4.10. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

#### **4.11. Thuế**

- Thuế thu nhập doanh nghiệp

*Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành*

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Trụ sở chính đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.



▪ Thuế giá trị gia tăng

Thuế Giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Trụ sở chính cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

- |  |     |
|--|-----|
| + Cước vận tải quốc tế                     | 0%  |
| + Dịch vụ liên quan vận tải đa phương thức | 10% |

▪ Các loại thuế khác: Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

Các báo cáo thuế của Trụ sở chính sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**4.12. Công cụ tài chính**

▪ Ghi nhận ban đầu

*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Trụ sở chính bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn và tài sản tài chính khác.

*Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Trụ sở chính bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả ngắn hạn khác và phải trả dài hạn khác.

▪ Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**4.13. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

(Phần tiếp theo ở trang 17)

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.103.763.471	2.206.484.939
Tiền gửi ngân hàng	21.011.066.581	26.900.615.429
Các khoản tương đương tiền	<u>104.408.000.000</u>	<u>6.321.000.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>127.522.830.052</u></b>	<b><u>35.428.100.368</u></b>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam.

### 5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	46.800.745.506	27.509.079.588
Trả trước cho người bán	25.876.370.544	18.834.852.579
Các khoản phải thu khác	<u>7.881.083.436</u>	<u>8.667.738.474</u>
<b>Cộng các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>80.558.199.486</b>	<b>55.011.670.641</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(1.655.185.606)</u>	<u>(1.655.185.606)</u>
<b>Giá trị thuần của các khoản phải thu</b>	<b><u>78.903.013.880</u></b>	<b><u>53.356.485.035</u></b>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Trụ sở chính.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là 3 khoản ứng trước như sau:

- Khoản chi hộ đại lý nước ngoài với số tiền là 13.913.798.455 đồng.
- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu với số tiền là 3.087.000.000 đồng.
- Khoản ứng trước 18% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 4.886.532.207 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m <sup>2</sup> đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	966.122.000
Khác	<u>484.727.356</u>	<u>305.260.394</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>7.881.083.436</u></b>	<b><u>8.667.738.474</u></b>

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

**5.3. Tài sản ngắn hạn khác**

Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng cho nhân viên để làm hàng.

**5.4. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Vốn kinh doanh ở Chi nhánh Hà Nội	5.590.823.560	5.590.823.560
Vốn kinh doanh ở Chi nhánh Hải Phòng	<u>4.521.648.583</u>	<u>4.565.545.169</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>10.112.472.143</u></b>	<b><u>10.156.368.729</u></b>

**5.5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	8.052.973.806	1.543.492.521	13.501.863.858	709.264.882	23.807.595.067
Mua trong năm	-	-	-	91.360.000	91.360.000
Điều chuyển chi nhánh	-	-	(526.954.909)	-	(526.954.909)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>8.052.973.806</u></b>	<b><u>1.543.492.521</u></b>	<b><u>12.974.908.949</u></b>	<b><u>800.624.882</u></b>	<b><u>23.372.000.158</u></b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	6.347.612.106	776.613.299	7.754.094.945	538.136.063	15.416.456.413
Khấu hao trong kỳ	572.796.808	203.455.728	1.352.500.729	100.500.846	2.229.254.111
Điều chuyển chi nhánh	-	-	(368.868.444)	-	(368.868.444)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b><u>6.920.408.914</u></b>	<b><u>980.069.027</u></b>	<b><u>8.737.727.230</u></b>	<b><u>638.636.909</u></b>	<b><u>17.276.842.080</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1.705.361.700	766.879.222	5.747.768.913	171.128.819	8.391.138.654
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b><u>1.132.564.892</u></b>	<b><u>563.423.494</u></b>	<b><u>4.237.181.719</u></b>	<b><u>161.987.973</u></b>	<b><u>6.095.158.078</u></b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.125.207.334 đồng.

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

**5.6. Đầu tư tài chính dài hạn**

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào Công ty con - Xem thêm mục 7	526.750.000	526.750.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	22.612.589.000	35.812.589.000
Đầu tư vào Công ty liên doanh	13.867.521.802	13.867.521.802
Đầu tư dài hạn khác	<u>726.150.000</u>	<u>726.150.000</u>
<b>Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn</b>	<b>37.733.010.802</b>	<b>50.933.010.802</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	<u>-</u>	<u>-</u>
<b>Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b><u>37.733.010.802</u></b>	<b><u>50.933.010.802</u></b>

Đầu tư vào Công ty liên kết được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics)	-	-	1.320.000	13.200.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	439.200	4.392.000.000
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	1.822.059	<u>18.220.589.000</u>	1.822.059	<u>18.220.589.000</u>
<b>Tổng cộng</b>		<b><u>22.612.589.000</u></b>		<b><u>35.812.589.000</u></b>

Lý do thay đổi với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics): Trong năm Trụ sở chính đã bán toàn bộ vốn góp vào VNT Logistics - Xem thêm mục 7.

Đầu tư vào Công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	VND			
	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	9,15%	4.908.430.302
Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	51%	3.680.051.500
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49%	3.148.740.000	49%	3.148.740.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	<u>2.130.300.000</u>	45%	<u>2.130.300.000</u>
<b>Tổng cộng</b>		<b><u>13.867.521.802</u></b>		<b><u>13.867.521.802</u></b>

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	726.150.000	9,81%	726.150.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>726.150.000</b>		<b>726.150.000</b>

## 5.7. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	9.929.769.453	5.977.492.757
Người mua trả tiền trước	50.119.302.485	11.022.978.666
<b>Tổng cộng</b>	<b>60.049.071.938</b>	<b>17.000.471.423</b>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Trụ sở chính.

Các khoản người mua trả tiền trước được chi tiết như sau:

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Công nợ đại lý nước ngoài	13.124.950.615	10.822.232.147
Doanh thu nhận trước	36.000.000.000	-
Các khoản khác	994.351.870	200.746.519
<b>Tổng cộng</b>	<b>50.119.302.485</b>	<b>11.022.978.666</b>

Doanh thu nhận trước là khoản lợi nhuận khoán gọn trước thuế thu nhập doanh nghiệp mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội trả trước cho Công ty theo hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 ngày 14 tháng 11 năm 2014 giữa hai bên - xem thêm mục 9.

## 5.8. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	VND	
	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	233.911.660	358.146.180
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.867.304.728	1.665.310.948
Thuế thu nhập cá nhân	37.596.182	37.505.685
Các loại thuế khác	201.761.901	102.944.116
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.340.574.471</b>	<b>2.163.906.929</b>

## 5.9. Phải trả người lao động

Là quỹ lương còn phải trả cho nhân viên.



# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

## 5.10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tiền đền bù di dời (*)	32.800.000.000	-
Cổ tức phải trả	353.878.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>470.084.204</u>	<u>740.675.319</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>33.623.962.204</u></b>	<b><u>740.675.319</u></b>

(\*) Là khoản tiền tạm ứng 80% tổng giá trị đền bù di dời phục vụ dự án chuyển đổi công năng và khai thác kho bãi khu vực 145-147 Nguyễn Tất Thành mà Công ty Cổ Phần Đường Khánh Hội phải trả Công ty Cổ Phần Logistics Vinalink theo hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 - xem thêm mục 9.

## 5.11. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.026.945.703	2.580.538.623
Trích lập trong năm	4.067.000.000	2.729.408.000
Sử dụng trong năm	<u>(4.455.604.276)</u>	<u>(3.283.000.920)</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>1.638.341.427</u></b>	<b><u>2.026.945.703</u></b>

(Phần tiếp theo ở trang 22)



## TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

### 5.12. Vốn chủ sở hữu

#### 5.12.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	VND	
		Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	90.000.000.000	126.791.936.960
Lợi nhuận trong năm trước	-	18.759.928.935
Lợi nhuận từ các chi nhánh	-	6.871.319.721
Chia cổ tức	-	(13.500.000.000)
Tặng khác	-	1.000.000.000
Giảm khác	-	(7.807.312.852)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>132.115.872.764</b>
Lợi nhuận trong năm	-	38.568.882.562
Lợi nhuận từ các chi nhánh	-	4.602.535.015
Chia cổ tức	-	(18.000.000.000)
Trích lập quỹ	-	(5.067.000.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>90.000.000.000</b>	<b>153.220.290.341</b>



**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

**5.12.2. Cổ phần**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000
Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.		

**5.12.3. Phân phối lợi nhuận**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	32.165.872.764	27.841.936.960
Lợi nhuận sau thuế trong năm	38.568.882.562	18.759.928.935
Chia cổ tức	(18.000.000.000)	(13.500.000.000)
Lợi nhuận từ các chi nhánh	4.602.535.015	6.871.319.721
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.600.000.000)	(2.313.929.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(467.000.000)	(415.479.000)
Khác	-	(4.077.904.852)
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b>52.270.290.341</b>	<b>32.165.872.764</b>

*(Phần tiếp theo ở trang 24)*

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

### 6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phòng hàng không	141.012.987.685	134.777.996.229
Doanh thu phòng đường biển	91.750.825.563	90.883.900.165
Doanh thu phòng logistics	65.303.329.804	58.507.566.049
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>298.067.143.052</u></b>	<b><u>284.169.462.443</u></b>

### 6.2. Giá vốn hàng bán

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn phòng hàng không	134.304.848.298	126.957.059.253
Giá vốn phòng đường biển	83.267.513.216	85.235.588.375
Giá vốn phòng logistics	57.590.764.736	50.926.800.389
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>275.163.126.250</u></b>	<b><u>263.119.448.017</u></b>

### 6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.116.374.293	12.068.298.260
Lãi chênh lệch tỷ giá	4.710.466.074	6.932.407.391
Lãi tiền gửi	70.113.068	101.028.023
Lãi từ bán cổ phiếu	30.360.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	31.137.785
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>43.256.953.435</u></b>	<b><u>19.132.871.459</u></b>

### 6.4. Chi phí tài chính

Là khoản lỗ chênh lệch tỷ giá

19.  
TY  
001  
DÁI  
L  
CH

**TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK**

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

**6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	5.751.540.411	5.247.207.802
Chi phí vật liệu	595.084.676	576.178.309
Chi phí đồ dùng văn phòng	202.484.679	199.205.320
Chi phí khấu hao tài sản cố định	324.574.059	365.912.864
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.621.103.481	3.399.662.096
Chi phí quản lý khác	893.462.998	1.013.871.757
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.392.250.304</b>	<b>10.806.038.148</b>

**6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	50.277.927.491	23.165.228.224
Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế của các chi nhánh	5.240.450.763	4.602.535.015
Cộng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2013 của Công ty con tại Campuchia	202.484.420	-
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	8.591.428.323	7.948.492.909
- Chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN	8.578.788.594	6.686.333.102
- Chi phí hoa hồng vượt mức khống chế	-	1.262.159.807
- Điều chỉnh thuế GTGT năm 2013 và phạt chậm nộp thuế	12.639.729	-
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(8.116.374.293)	(12.068.298.260)
Trừ các khoản điều chỉnh giảm khác	(612.597.490)	(1.785.123.775)
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 22%	(30.916.201.172)	-
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25%	-	(654.649.325)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	24.667.118.042	21.208.184.788
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	4.933.423.608	4.241.636.958
Cộng chi phí thuế TNDN từ thu nhập khác	6.801.564.258	163.662.331
Chi phí thuế TNDN trong năm	11.734.987.866	4.405.299.289
Điều chỉnh tăng chi phí thuế TNDN của năm trước	18.603.635	-
Điều chỉnh giảm chi phí thuế đã nộp ở Campuchia	(44.546.572)	-
<b>Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm</b>	<b>11.709.044.929</b>	<b>4.405.299.289</b>



# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế là các khoản mục không được khấu trừ khi tính thuế theo quy định của luật thuế TNDN như chi phí không được trừ khi tính thuế TNDN, các khoản điều chỉnh thuế GTGT năm 2013 và phạt chậm nộp thuế,...

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế khác là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản mục tiền, phải thu khách hàng.

## 6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	27.905.934.369	28.290.748.665
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.229.254.111	2.259.717.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	170.814.185.770	178.179.986.395
Chi phí khác bằng tiền	<u>85.606.002.304</u>	<u>71.861.198.775</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>286.555.376.554</u></b>	<b><u>280.591.651.133</u></b>

## 7. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN

- Trong năm, Trụ sở chính đã có giao dịch trọng yếu với các bên liên quan sau:

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty TNHH MTV Logistics Vinalink (Cambodia)	Công ty con
2. Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	Công ty liên kết
3. Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành	Công ty liên kết
4. Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	Công ty liên doanh
5. Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	Công ty liên doanh
6. Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	Công ty liên doanh
7. Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	Công ty liên doanh
8. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

- Bản chất các giao dịch quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn vào công ty liên kết	-	8.011.889.000
Bán vốn góp đầu tư vào công ty liên kết - Xem thêm mục 5.6	13.200.000.000	-
Đầu tư vào công ty con - Xem thêm mục 5.6	-	526.750.000
Cung cấp dịch vụ	2.676.119.298	2.545.946.878



# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	331.500.000	294.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc Công ty	<u>1.870.455.358</u>	<u>2.088.113.430</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.201.955.358</u></b>	<b><u>2.382.113.430</u></b>

## 8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

- Quản lý rủi ro vốn

Trụ sở chính quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Trụ sở chính có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Trụ sở chính gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Trụ sở chính áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.12.

- Các loại công cụ tài chính

	VND	
	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	127.522.830.052	35.428.100.368
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.395.559.900	26.820.015.982
Đầu tư ngắn hạn khác	900.000.000	-
Đầu tư dài hạn khác	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	<u>131.416.000</u>	<u>146.416.000</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>174.675.955.952</u></b>	<b><u>63.120.682.350</u></b>

### Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác	10.283.647.453	5.977.492.757
Chi phí phải trả	1.343.334.200	2.092.771.233
Phải trả dài hạn khác	<u>213.143.000</u>	<u>236.766.360</u>
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>11.840.124.653</u></b>	<b><u>8.307.030.350</u></b>

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Trụ sở chính không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

## ▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Trụ sở chính không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

## ▪ Rủi ro tỷ giá

Trụ sở chính đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Trụ sở chính sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Trụ sở chính không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	-	-	1.693.410,79	1.620.300,74

## ▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Trụ sở chính. Trụ sở chính có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Trụ sở chính có chịu rủi ro tín dụng hay không. Trụ sở chính không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

## ▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Trụ sở chính quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Trụ sở chính tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Trụ sở chính là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Trụ sở chính duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Trụ sở chính phải trả.

	VND		
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	10.283.647.453	-	10.283.647.453
Chi phí phải trả	1.343.334.200	-	1.343.334.200

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	5.977.492.757	-	5.977.492.757
Chi phí phải trả	2.092.771.233	-	2.092.771.233
Phải trả dài hạn khác	-	236.766.360	236.766.360

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Trụ sở chính có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Trụ sở chính vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

			VND
31/12/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	45.395.559.900	-	45.395.559.900
Đầu tư ngắn hạn khác	900.000.000	-	900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	131.416.000	131.416.000

01/01/2014	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	26.820.015.982	-	26.820.015.982
Đầu tư dài hạn khác	-	726.150.000	726.150.000
Tài sản tài chính khác	-	146.416.000	146.416.000

## 9. THUYẾT MINH KHÁC

Trong năm, Công ty có ký kết Hợp đồng hợp tác khai thác kinh doanh số 2391/HĐHT.12 và Hợp đồng nguyên tắc số 2392/HĐĐB.14 ngày 14 tháng 11 năm 2014 về việc đền bù di dời phục vụ dự án tại số 145-147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội. Theo đó, Công ty sẽ góp vốn bằng toàn bộ tài sản theo hiện trạng tại văn phòng Công ty (gồm toàn bộ hệ thống kho với tổng diện tích sàn kho 9.397,08 m<sup>2</sup>, văn phòng làm việc, nhà bếp, nhà ăn, toàn bộ sân xi măng bên trong khuôn viên và các hạng mục phụ trợ như hệ thống chiếu sáng, hệ thống PCCC, hệ thống cấp thoát nước, tường rào, trạm điện hiện diện trên khu đất) để Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội quản lý, khai thác. Công ty sẽ bàn giao cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội toàn bộ tài sản trên khu đất và từ chối mọi quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến tài sản trên khu đất bao gồm cả quyền quản lý, khai thác khu đất khi cơ quan thẩm quyền chấp thuận chủ trương cho Công ty Cổ phần Đường Khánh Hội được làm chủ đầu tư dự án. Việc di dời các hoạt động hiện tại của Công ty đi nơi khác sẽ được thực hiện chậm nhất 24 tháng sau ngày ký kết các hợp đồng này.

## 10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

# TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY CỔ PHẦN LOGISTICS VINALINK

Địa chỉ: Số 145 - 147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh

Mẫu số B 09 - DN

## 11. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Trụ sở chính được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2015.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH NAM

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN